TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2019/QĐST-DS	*Yên Thành, ngày 08 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2019/TLST- DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1954.

Trú tại: xóm N, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành M, sinh năm 1963.

Trú tại: xóm N, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà: Lê Thị N, sinh năm 1968.

Trú tại: xóm N, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

-Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1948.

Trú tại: xóm N, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

-Bà Nguyễn Thị T, sinh năm năm 1968.

Trú tại: xóm N, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2.Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Thành M, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị N sự thống nhất và thỏa thuận chia di sản của ông Nguyễn Thành H và bà Nguyễn Thị N chết để lại như sau:

- Chia thửa đất số:16, tờ bản đồ số 19 xã H; Địa chỉ thửa đất: xóm N, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích 3.353,9m^2; Mục đích sử dụng: Đất ở: 350m^2, đất

trồng cây lâu năm 300,9 m^2 được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CB064363 mang tên bà Nguyễn Thị N ngày 28/11/2015 có tổng trị giá 190.156.000đ(Một trăm chín mươi triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn đồng) trong đó có 350m^2 đất ở x 200.000đ /m^2= 70.000.000 đồng, đất trồng cây lâu năm 3003,9m^2 x 40.000 đ/m^2 = 120.156.000 đồng cụ thể như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Thành T được quyền sử dụng 1.676,94m^2 diện tích đất ở và đất trồng cây lâu năm, trong đó 175m^2 đất ở x 200.000 đ/m^2= 35.000.000 đồng và 1.501,94m^2 đất trồng cây lâu năm x 40.000đ/m^2 = 60.077.600 đồng. Trong đó ông Nguyễn Thành T được hưởng phần thừa kế là 838,47 m^2 và 838,47 m^2 là phần thừa kế của bà Nguyễn Thị X tặng cho riêng ông Nguyễn Thành T được quyền sử dụng,cụ thể có các các cạnh như sau:

- Cạnh phía Đông giáp đất rừng sản xuất ông Phan Quốc M dài 65,86m được chia thành 5 đoạn gấp khúc(Đoạn dài 10,68m, đoạn dài 8,54m, đoạn dài 9,03m, đoạn dài 7,01m; đoạn dài 30,60m).

- Cạnh phía Tây giáp phần đất thừa kế của bà Nguyễn Thị T được chia dài 61,03m.

- Cạnh phía Bắc giáp thửa đất rừng số 74, tờ bản đồ 879a; Địa chỉ thửa đất: xóm N, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An(Theo bản đồ 163 xã H, huyện Y, nay có số thửa 14 dài 34,48m được chia làm 04 đoạn (đoạn dài 15,07m; đoạn dài 2,34m, đoạn dài 3,41m và đoạn dài 13,66m).

- Cạnh phía Nam giáp đường nội bộ dài 17,43 m.

*Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng diện tích đất 838,47m^2 trong đó 87,5m^2 đất ở x 200.000 đ/m^2 = 17.500.000 đ và 750,9 m^2 đất trồng cây lâu năm x 40.000 đ= 30.036.000 đồng có các cạnh như sau:

- Cạnh phía Đông giáp phần đất thừa kế của ông Nguyễn Thành T được chia và phần đất bà Nguyễn Thị X tặng cho ông Nguyễn Thành T dài 61,03m.

- Cạnh phía Tây giáp đất thừa kế ông Nguyễn Thành M được chia dài 54,41m.

- Cạnh phía Nam giáp đường nội bộ của xóm dài 16,78m.

- Cạnh phía Bắc giáp thửa đất rừng số: 74, tờ bản đồ 879a xã H(Theo bản đồ 163 xã H, huyện Y nay có số thửa 14) dài 15.90m được chia thành 03 đoạn(đoạn dài 6,28m, đoạn dài 5,16m; đoạn dài 4,46m).

*Giao cho ông Nguyễn Thành M được quyền sử dụng diện tích đất 838,47m^2 trong đó 87,5m^2 đất ở x 200.000 đ/m^2 = 17.500.000 đ và 750,97m^2 đất trồng cây lâu năm x 40.000 đ= 30.038.000 đ, trên phần đất vợ chồng Nguyễn Thành M, bà Lê Thị N đã xây dựng nhà cấp 4 diện tích 70m^2 có các cạnh như sau:

- Cạnh phía Đông giáp phần đất thừa kế bà Nguyễn Thị T được chia dài 54,41m.

- Cạnh phía Tây giáp đất rừng sản xuất của ông Lê Đình Q dài 25.90 m .

- Cạnh phía Nam giáp đường nội bộ của xóm dài 9,77m.

- Cạnh phía Bắc giáp thửa đất rừng số 74, tờ bản đồ 879a; Địa chỉ thửa đất: xóm N, xã H, huyện Y(Theo bản đồ 163 xã H, nay có số thửa 14) dài 38.79m được chia làm 03 đoạn (đoạn dài 8,15m; đoạn dài 9,71m; đoạn dài 20,93m) và 01 đoạn giáp đất rừng sản xuất ông Lê Đình Q dài 4,77m.

Giao cho ông Nguyễn Thành T được quyền sử hữu 01 nhà cấp bốn 04 gian hướng Đông tọa trên phần đất thừa kế ông Nguyễn Thành T được chia trị giá 8.000.000đ(Tám triệu đồng).

* Chia thửa đất rừng số:74, tờ bản đồ 879a,; Địa chỉ thửa đất: xóm N, xã H, huyện Y diện tích đo tạm thời 3000 m^2 được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quuyền sử dụng đất số: D313196 mang tên ông Nguyễn Thành H, cấp ngày 12/11/2001. Theo bản đồ 163 xã H, huyện Y có số thửa 14, có diện tích đo được là 8.416m^2 x 3000 đ/m^2 = 25.248.000đ (Hai mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng) cụ thể như sau:

+/ Giao cho ông Nguyễn Thành T được quyền sử dụng 4.208m^2 đất rừng x 3000đ/m^2= 12.624.000 đồng(Trong đó ông Nguyễn Thành T được hưởng phần thừa kế là 2.104 m^2 và 2.104 m^2 phần thừa kế của bà Nguyễn Thị X tặng cho ông Nguyễn Thành T) cụ thể có các các cạnh như sau:

- Cạnh phía Đông giáp đất rừng sản xuất của ông Phan Quốc M dài 59,99m được chia thành 3 đoạn gấp khúc (đoạn dài 39,43m đoạn dài 5,92m, đoạn dài 14,64m).

- Cạnh phía Tây giáp phần đất thừa kế của bà Nguyễn Thị T dài 78.38m

- Cạnh phía Bắc giáp đất nghĩa địa xã H, huyện Y dài 100,39 m được chia làm 08 đoạn gấp khúc(đoạn dài 10,06m; đoạn dài 8,20m, đoạn dài 7,53m; đoạn dài 27,42m; đoạn dài 4,66m, đoạn dài 11,96m, đoạn dài 11,35m; đoạn dài 19,21m).

- Cạnh phía Nam có 01 đoạn giáp phần đất ở của bà Nguyễn Thị T dài 6,28m, còn lại giáp đất ở và đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Thành T được chia dài 34,46m được chia làm 4 đoạn gấp khúc (đoạn dài 15.07m; đoạn dài 2,34m, đoạn dài 3,41m, đoạn dài 13,66m).

*Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 2.104m^2 đất rừng x 3000 đ/m^2 = 6.312.000 đồng có các cạnh cụ thể như sau.

- Cạnh phía Đông giáp phần đất thừa kế ông Nguyễn Thành T được chia dài 78,38m.

- Cạnh phía Tây giáp phần đất thừa kế của ông Nguyễn Thành M được chia dài 77.03m

- Cạnh phía Bắc giáp đất nghĩa địa xã H, huyện Y dài 36,34m được chia thành 2 đoạn gấp khúc (đoạn dài 7,69m; đoạn dài 28,65m).

- Cạnh phía Nam giáp phần đất ở, đất trồng cây lâu năm của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thành M; Phần giáp đất của ông Nguyễn Thành M dài 17,86m được chia thành 2 đoạn(đoạn dài 8,15m; đoạn dài 9,71m); Phần giáp đất của bà Nguyễn Thị T dài 9,62 m được chia thành 2 đoạn (đoạn dài 5,16m; đoạn dài 4,46m).

* Giao cho ông Nguyễn Thành M được quyền sử dụng 2.104m^2 đất rừng x 3.000 đ/m^2 = 6.312.000 đồng cụ thể các cạnh như sau.

- Cạnh phía Đông giáp phần đất thừa kế của bà Nguyễn Thị T được chia dài 77,03m.

- Cạnh phía Tây giáp đất rừng sản xuất của ông Lê Đình Q dài 95,5m, được chia thành 4 đoạn (đoạn dài 40,98m; đoạn dài 23,41m; đoạn dài 27,17m; đoạn dài 3,94m).

- Cạnh phía Bắc giáp đất nghĩa địa xã H, huyện Y dài 26,30m .

- Cạnh phía Nam giáp phần đất ở, đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Thành M dài 24,87m được chia thành 2 đoạn(đoạn dài 20,93m; đoạn dài 3,94m).

Thỏa thuận chia quyền sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm, đất rừng do ông Nguyễn Thành H, bà Nguyễn Thị N chết để lại do các bên thỏa thuận được thể hiện sơ đồ sau đây:

Ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Thành M, bà Nguyễn Thị T được quyền đến cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật đất đai.

Ông Nguyễn Thành T có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Thành M giá trị cây keo tràm trồng trên diện tích đất 1.364m^2 nằm trên phần đất thừa kế ông Nguyễn Thành T được chia có giá trị 1.364m^2 x 3600 đ/m^2 = 4.910.400 đồng và 2.000.000 đồng kỷ phần thừa kế được chia từ ngôi nhà 04 gian trị giá 8.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Nguyễn Thành T phải giao lại cho ông Nguyễn Thành M số tiền là 6.910.400đ(Sáu triệu chín trăm mười nghìn, bốn trăm đồng), ông Nguyễn Thành M đã nhận đủ số tiền do ông Nguyễn Thành T giao lại.

Ông Nguyễn Thành T có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 2.000.000đ(Hai triệu đồng) kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị T được chia từ ngôi nhà 04 gian trị giá 8.000.000 đồng đã giao cho ông Nguyễn Thành T sở hữu.

Bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Thành T giá trị cây keo tràm trồng trên diện tích đất 69m^2 nằm trên phần đất ở, đất trồng cây lâu năm phần thừa kế của bà Nguyễn Thị T được chia có giá trị là 69m^2 x 3600 đ/m^2 = 248.400 đồng. Sau khi tính trừ (2.000.000 đ – 248.400 đ = 1.751.600 đ) thì bà Nguyễn Thị T còn được nhận tại ông Nguyễn Thành T 1.751.600đ(Một triệu, bảy trăm năm mươi mốt nghìn, sáu trăm đồng), bà Nguyễn Thị T đã nhận đủ số tiền ông Nguyễn Thành T giao lại.

Kỷ phần thừa kế 2.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị X được chia từ ngôi nhà 04 gian trị giá 8.000.000 đồng giao cho ông Nguyễn Thành T sở hữu bà Nguyễn Thị X cho ông Nguyễn Thành T không yêu cầu ông Toàn giao lại.

- Về án phí: Miễn toàn toàn bộ án phí cho ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị T theo qui định điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn , giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Thành M nộp 2.924.000đ(Hai triệu, chín trăm hai mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Thành T số tiền 1.100.000đ(Một triệu, một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0003707 ngày 20/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Yên Thành;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- TAND tỉnh Nghệ An.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc